

KHÔNG GIAN TÂM LÍ TRONG BẢN TIN TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

HOÀNG THỊ NGỌC ĐIỂM*

1. Cơ sở lý luận

1.1. Tổng quan về ngôn ngữ học tri nhận

Mối quan hệ giữa tri nhận và việc thụ đắc ngôn ngữ từ lâu đã được chứng minh là có mối quan hệ bền vững và nhân quả với nhau. Theo quan điểm truyền thống nhận định về cái nào tạo ra cái nào, theo tác giả Lyons: “chính cấu trúc và việc vận hành của trí óc đã quyết định cấu trúc ngữ pháp và ngữ nghĩa của ngôn ngữ” [3]. Các lý thuyết ngôn ngữ dựa trên quan điểm truyền thống về chiều hướng nhân - quả giữa tư duy và ngôn ngữ được xếp vào chủ nghĩa tri nhận.

Trước khi đi sâu vào phân tích mặt ngữ nghĩa theo trường phái tri nhận cần tìm hiểu về cội nguồn của nó - đó là ngôn ngữ học tri nhận. Ngôn ngữ học tri nhận ra đời như là một ngành nghiên cứu ngôn ngữ độc lập vào những năm 1970. Đây là kết quả của niềm đam mê và tận tụy của một số nhà nghiên cứu quan tâm đến mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy. Ngành mới này giờ được xem như là một hướng nghiên cứu đầy tiềm năng đối với ngôn ngữ, hệ thống nhận thức, tri nhận của con người và việc cấu thành cấu trúc ngữ nghĩa nói chung. Có thể kể đến những nhà ngôn ngữ học lỗi

lạc chuyên sâu về các nguyên lý tri nhận và cấu trúc như Charles Fillmore, George Lakoff, Ronald Langacker và Leonard Talmy. Mỗi học giả đều bắt đầu phát triển đường hướng nghiên cứu riêng của mình để mô tả ngôn ngữ và lịch sử của ngôn ngữ, tập trung vào các cặp hiện tượng và bản chất liên quan. Tất cả các học giả này đều có chung một nhận định quan trọng: Nghĩa là cốt lõi của ngôn ngữ nên nó là trọng tâm chính của mọi nghiên cứu. Cấu trúc ngôn ngữ phục vụ cho chức năng biểu đạt nghĩa và do đó việc quy chiếu (mappings) giữa nghĩa - nội dung biểu đạt và cấu trúc ngôn ngữ - hình thức biểu đạt, là đối tượng chính của phân tích ngôn ngữ. Hình thức ngôn ngữ, theo quan điểm này có mối quan hệ mật thiết với cấu trúc ngữ nghĩa mà chúng diễn đạt.

1.2. Thuyết không gian tâm lí

Trong phạm vi rộng lớn của ngôn ngữ học tri nhận, có một mảng lý thuyết đang được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm, hứa hẹn mang lại nhiều phát kiến tiềm năng về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy, đó là không gian tâm lí (mental spaces). Lý thuyết về không gian tâm lí do nhà nghiên cứu Gills

.....
*Khoa Ngoại ngữ, ĐH Thái Nguyên.

Fauconnier phát triển, cho rằng các không gian tâm lí là các bộ phận thành phần được cấu tạo nên khi con người tư duy và giao tiếp. Chúng chứa các yếu tố và có cấu trúc của các mô hình tri nhận. Nói cách khác, không gian tâm lí được hình thành khi tư duy và ngôn ngữ được bộc lộ và các không gian tâm lí được kết nối với nhau bởi vô số các kiểu quy chiếu như quy chiếu đặc thù hay quy chiếu tương đồng. Người ta giả thuyết rằng ở cấp độ thần kinh, không gian tâm lí là các tập hợp nhóm thần kinh được kích hoạt và mối liên hệ giữa các yếu tố tương thích với các liên kết đồng kích hoạt. Theo quan điểm này, các không gian tâm lí vận hành theo trí nhớ đang tồn tại nhưng được thiết lập nên một phần bởi các cấu trúc đang hoạt động từ trí nhớ dài hạn.

Quan tâm đến vấn đề này, tác giả Stockwell [4, 96] phát triển tiếp hướng nghiên cứu. Ông nhận thấy lí thuyết về không gian tâm lí mang lại một công cụ thống nhất và kiên định để hiểu được sự quy chiếu, đồng quy chiếu và việc hiểu các câu chuyện cho dù chúng có thật hay tưởng tượng, mang tính lịch sử hay giả tưởng hay đang diễn ra ở đâu đó rất xa xôi. Stockwell chia không gian tâm lí thành 4 loại khác nhau:

- *Không gian thời gian*: thời gian hiện tại hay chuyển dịch sang quá khứ và tương lai, thể hiện bằng các trạng từ chỉ thời gian, thời và thì.

- *Không gian địa lí*: được nhận biết bởi các trạng từ chỉ nơi chốn và các động từ chuyển động.

- *Không gian miễn*: đây là phạm vi các hoạt động như công việc, giải trí, thí nghiệm khoa học...

- *Không gian giả định*: các tình huống có điều kiện, các khả năng giả thuyết và không có thực, các gợi ý, phỏng đoán...

Không gian tâm lí được xây dựng nên bởi các tín hiệu hay các yếu tố tạo không gian như những từ chỉ nơi chốn (*in, at*), các quán ngữ (*trên thực tế...*), các từ chỉ điều kiện (*nếu, khi*). Các tín hiệu này mở ra một không gian mới và chuyển tâm điểm đến một phần mới của không gian cũ. Các không gian được cấu trúc với tên gọi, mô tả, thì, thể, tiền giả định, các yếu tố di chuyển không gian. Đó là các động từ nổi trong tiếng Anh như: *be, become* và *remain*. Chúng kết nối các yếu tố trong các không gian khác nhau.

1.3. Thuyết hợp nhất khái niệm

Không chỉ dừng lại ở việc phân tích các câu đơn như thí dụ trên, lí thuyết về không gian tâm lí còn được phát triển theo hướng khám phá các đoạn tường thuật dài thông qua khái niệm rất hữu ích là “hợp nhất khái niệm” (conceptual blending).

Hai tác giả Fauconnier và Turner [1] bắt đầu nghiên cứu thuyết hợp nhất khái niệm một cách hệ thống từ năm 1993 khi họ phát hiện ra tính đồng dạng cấu trúc và việc ứng dụng rộng rãi của khái niệm này. Kể từ đó, các công trình quan trọng được tiến hành dựa trên thuyết này và được đúc rút kinh nghiệm trong các lĩnh vực như toán học, khoa học xã hội, văn học, ngôn ngữ học và âm nhạc. Đã có rất nhiều đề xuất cho các mô hình toán và máy tính về sự vận hành và nghiên cứu thí nghiệm trong khoa học thần

kinh, mối quan hệ giữa tri nhận và hệ thống thần kinh tương ứng.

Theo quan điểm của hai tác giả này [1], hợp nhất khái niệm là cơ chế tinh thần chủ yếu dẫn đến nghĩa mới, cái nhìn toàn diện và sự cô đọng khái niệm rất hữu ích cho bộ nhớ và sự vận dụng hàng loạt các loại nghĩa phổ biến khác. Thuyết này đóng một vai trò quan trọng trong việc cấu thành nghĩa trong đời sống hàng ngày, trong nghệ thuật và khoa học, và đặc biệt trong các ngành khoa học xã hội và hành vi. Sự cần thiết của cơ chế này là tạo nên một sự hòa hợp phần nào đó giữa hai không gian tâm lí nguồn để chiếu lên một cách có lựa chọn từ những nguồn đó thành một không gian tâm lí hợp nhất mới, không gian này nhanh chóng phát triển một cấu trúc nổi bật.

Điều cốt yếu là, không gian hợp nhất vẫn kết nối với các không gian gốc thông qua các hệ quy chiếu (mappings). Tiếp tục nghiên cứu thuyết hợp nhất khái niệm của hai tác giả Fauconnier & Turner, Stockwell [1], [4] cũng đồng ý rằng hợp nhất khái niệm liên quan đến việc quy chiếu giữa các không gian và mối quan hệ giữa các không gian đó được nhập vào một không gian chung. Các đặc trưng cụ thể nảy sinh từ việc quy chiếu này sẽ tạo nên một không gian mới, không gian hợp nhất. Ông phát hiện ra rằng việc hợp nhất không gian là một cơ chế mà nhờ đó chúng ta có thể nắm bắt các thuộc tính của cả hai không gian, thí dụ như trong việc tư duy hàm ý về ẩn dụ hay ngụ ý bóng gió, phép loại suy khoa học hay chính trị, các phép so sánh và các miền tương tượng.

Fauconnier & Turner [1] cũng nói thêm rằng một trong những lợi ích trọng tâm của thuyết hợp nhất khái niệm là khả năng cung cấp cho con người các nghĩa cô đọng về các sự kiện. Chúng ta không tạo nên các không gian tâm lí, sự kết nối giữa chúng và các không gian hợp nhất mà không có mục đích nào. Chúng ta làm vậy vì việc này giúp đem lại nghĩa mới, cái nhìn toàn diện và hiểu biết. Nó giúp chúng ta giao tiếp hiệu quả và sáng tạo. Các mối liên hệ về khái niệm như thời gian, không gian, nguyên nhân - kết quả, sự thay đổi liên tục xuất hiện trong việc cô đọng nghĩa dưới hoạt động hợp nhất.

2. Không gian tâm lí trong bản tin tiếng Anh và tiếng Việt

Các lí thuyết về không gian tâm lí, thuyết hợp nhất khái niệm, nền tảng cơ bản của ngữ nghĩa học tri nhận và phân loại không gian tâm lí, cụ thể là không gian về thời gian và không gian giả định, đã được chúng tôi ứng dụng để phân tích bản tin truyền hình tiếng Anh và tiếng Việt, với sự trợ giúp của phần mềm phân tích khối liệu. Sau khi thu thập, phân loại và sàng lọc, hai khối liệu bản tin được thiết lập. Khối liệu bản tin tiếng Anh bao gồm 77 bản tin thu thập từ các chương trình thời sự quốc tế trên kênh BBC World News, với số lượng 41.448 từ. Khối liệu bản tin tiếng Việt bao gồm 89 bản tin với 52.120 từ, thu thập từ các chương trình thời sự trên kênh VTV1 đài Truyền hình Việt Nam lúc 16 giờ chiều và 19 giờ tối. Tổng hợp số lượng từ của các khối liệu được nghiên cứu là gần 100.000 từ. Ngoài ra, hai khối liệu bản tin được thống kê xoay quanh chủ đề thiên tai, với số

lượng từ tương đương và các chủ đề nhỏ như nhau để đảm bảo tính thống nhất về mặt dữ liệu. Kết quả nghiên cứu ban đầu cho thấy những đặc điểm khác biệt chủ yếu sau:

2.1. Không gian thời gian

Để tìm hiểu không gian thời gian trong các bản tin tiếng Việt, trước tiên các phó từ chỉ thời gian được thống kê.

Phó từ	Ý nghĩa thời gian	Tần số
<i>Đã</i>	Quá khứ	577
<i>Đang</i>	Hiện tại	263
<i>Sẽ</i>	Tương lai	129

Bảng 1: Phó từ chỉ thời gian trong bản tin tiếng Việt

Ngoài ra, các trạng từ và cụm từ chỉ thời gian khác cũng được tổng hợp. Một số trạng từ được sử dụng nhiều lần với hơn một ý nghĩa thời gian, xảy ra ở nhiều ngữ cảnh và bản tin khác nhau như trong bảng 2 dưới đây.

Cụm từ	Thời gian	Tần số	Tổng
<i>Hôm nay</i>	hiện tại	13	66
<i>Bây giờ</i>	hiện tại	22	
<i>Lúc này</i>	hiện tại	31	
<i>Hôm nay</i>	quá khứ	32	173
<i>Sáng nay</i>	quá khứ	25	
<i>Chiều tối nay</i>	quá khứ	3	
<i>Hôm qua</i>	quá khứ	35	
<i>Tuần trước</i>	quá khứ	2	
<i>Ngày ... (ngày cụ thể)</i>	quá khứ	51	
<i>Vừa rồi</i>	quá khứ	6	
<i>... ngày qua</i>	quá khứ	19	
<i>Ngày mai</i>	tương lai	7	27
<i>Sắp tới</i>	tương lai	5	
<i>... tới đây</i>	tương lai	2	
<i>... ngày tới</i>	tương lai	13	

Bảng 2: Các cụm từ chỉ thời gian trong bản tin tiếng Việt

Đối với bản tin tiếng Anh, các dạng chia của động từ “to BE” được nghiên cứu trước tiên. Kết quả cho thấy các dạng được chia ở thời hiện tại xảy ra nhiều nhất trong tất cả các thời.

Động từ “to BE”	Thời gian	Tần số	Tổng
<i>Had been</i>	quá khứ	51	386
<i>Was</i>	quá khứ	209	
<i>Were</i>	quá khứ	126	
<i>Has been</i>	hiện tại	51	1254
<i>Have been</i>	hiện tại	151	
<i>Are</i>	hiện tại	458	
<i>Is</i>	hiện tại	594	
<i>Is going</i>	tương lai	11	123
<i>Will</i>	tương lai	112	
<i>Shall</i>	tương lai	0	

Bảng 3: Tần số các dạng của động từ “to BE” trong bản tin tiếng Anh

Tương tự bản tin tiếng Việt, các trạng từ và cụm từ diễn đạt thời gian cũng được thống kê và phân loại.

Cụm từ	Thời gian	Tần số	Tổng
<i>Yesterday</i>	quá khứ	8	128
<i>... ago</i>	quá khứ	29	
<i>Last night</i>	quá khứ	12	
<i>On (last) + specific date (e.g. Sunday, Monday)</i>	quá khứ	56	
<i>Month</i>	quá khứ	15	
<i>Today</i>	quá khứ	8	
<i>The last + time (e.g. few days)</i>	hiện tại	20	222
<i>Now</i>	hiện tại	147	
<i>So far</i>	hiện tại	23	
<i>Today</i>	hiện tại	32	
<i>Next + time</i>	tương lai	22	22

Bảng 4: Các cụm từ chỉ thời gian trong bản tin tiếng Anh

Như vậy, về thời gian, tuy từ vựng diễn đạt ý nghĩa quá khứ, hiện tại và tương lai đều xuất hiện ở cả hai khối

liệu, tần suất của chúng là khác nhau. Chỉ so sánh riêng phó từ thời gian tiếng Việt và động từ “to BE” do chúng có

chức năng ngữ pháp tương đương, ở các bản tin BBC, các thì ở hiện tại chiếm số lượng lớn nhất, với tần số xuất hiện là 1254 lần, gấp khoảng 6 lần tần số của thì hiện tại trong bản tin tiếng Việt. Trong khi đó ở khối liệu bản tin tiếng Việt, ý nghĩa quá khứ được sử dụng nhiều nhất, 577 lần, gần gấp 2 lần bản tin tiếng Anh. Kết quả tương tự cũng được tìm thấy khi so sánh các cụm từ chỉ thời gian khác ở bảng 2 và bảng 4.

Một sự khác biệt nổi bật nữa giữa các bản tin ở hai ngôn ngữ là ở việc sử dụng các trạng từ thời gian. Có một số trạng từ như nhau nhưng thời gian được thể hiện kèm theo đó là khác nhau. Thí dụ, đối với cụm từ *hôm nay* hay *today*, ở bản tin tiếng Anh, nó được gắn phần lớn với thì hiện tại trong khi ở bản tin tiếng Việt chủ yếu được dùng gắn với ý nghĩa quá khứ.

Bảng 5 và Bảng 6 là thí dụ về văn cảnh cho trạng từ *hôm nay* và *today*:

through by air. Up to 140 flights today can land on the capital damaged ai
(1) Haiti earthquake Coming ashore today the vital equipment to help operat
but the US commander says as from today, the port can start receiving the
d be distributed. And we are ready today to begin to receive some cargo. We
through by air. Up to 140 flights today can land on the capital damaged ai
all the streets for up to 8 hours today just to get in the building and ev
The AIA and the RSC are expecting today their busiest day on record. Well,
west has been especially badly hit today. Seven inches of snow falling in s
freeze, they were having some fun today in the city of Edinburg. Scottish
of mine in Canada are speaking to today, make the same point "No we have t
y point is this: The crisis effect today and for many people it was crisis
big threats out there. What we saw today, believe me, is more like flooding
all the streets for up to 8 hours today just to get in the building and ev
The AIA and the RSC are expecting today their busiest day on record. Well,
west has been especially badly hit today. Seven inches of snow falling in s
freeze, they were having some fun today in the city of Edinburg. Scottish

Bảng 5: Văn cảnh của từ *today* trong bản tin BBC

sản của người dân. Trọng tâm trong hôm nay mà Quảng Bình tập chung chỉ đạo là tiếp tục
tử cũng đã được triển khai. Cho đến hôm nay các lực lượng đã tiếp cận được tất cả các đi
, bệnh tật sau lũ. Cũng trong sáng hôm nay, tỉnh Quảng Bình đã chỉ đạo chính quyền các
hộ dân ở đây phải di dời. Vào sáng hôm nay 18/10 ở Yên Thành mưa vẫn không ngớt vì vậy
ên lại chống chọi với lũ lụt. Ngay hôm nay ngoài huyện Tuy An bị ngập nặng, các huyện Đ
Ngãi Phú Yên và Gia Lai. Sáng ngày hôm nay những chuyến hàng cứu trợ đầu tiên bằng đườn
cứu trợ cho nhân dân. 9h sáng ngày hôm nay hai tấn mì tôm và hai nghìn chai nước khoáng
ương triển khai, tính đến 15h ngày hôm nay số người chết ở Phú yên đã lên đến con số 65
tích còn lại. Ngay trong sáng ngày hôm nay UBND tỉnh Phú Yên đã hỗ trợ kinh phí để các
sống. Tại buổi làm việc chiều ngày hôm nay với UBND tỉnh Phú Yên, phó thủ tướng Hoàng T
o này thì chúng tôi đã mời đến đây hôm nay ông Đỗ Trung Thoại, phó chủ tịch UBND kiêm t
ược khôi phục, trong suốt mấy ngày hôm nay người dân nơi đây phải sống chung với lũ tro
uảng Bình thì từ ngày 30/9 cho đến hôm nay lượng mưa tại đây đã đạt mức kỷ lục 1.000mm
a tình hình lũ lụt trong suốt ngày hôm nay và công tác ứng phó với thiên tai tại đây: L
pháp phong tránh lũ hiệu quả ngày hôm nay Thủ tướng Chính phủ đã có công điện khẩn gử
rung đang phải gánh chịu lúc này, hôm nay Thành Ủy, HĐND, UBND, Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quố
/. Vtv 11-11 (hoàn chỉnh) Đến ngày hôm nay là hơn 1 tuần sau cơn bão lũ, cuộc sống của
sự nỗ lực của địa phương, thì ngày hôm nay, tiền và những chuyến hàng cứu trợ tiếp tục
thuộc công ty Nam Việt Á vào ngày hôm nay đã tham gia vào việc giúp người dân vùng lũ

Bảng 6: Văn cảnh của từ *hôm nay* trong bản tin tiếng Việt

Như vậy, khi truyền tải thông tin, bản tin tiếng Anh có xu hướng nhấn

mạnh đến tính cập nhật của sự kiện. Việc sử dụng nhiều diễn đạt ở các thì

hiện tại tạo ra cho người đọc một cảm giác mới mẻ, sự kiện như vừa mới xảy ra, thậm chí còn đang xảy ra ngay tại thời điểm đọc tin. Trong khi đó, các bản tin tiếng Việt nhấn mạnh đến kết quả, hậu quả của sự việc. Tính đến thời điểm đưa tin, sự kiện gì đã diễn ra, đã để lại hậu quả gì và những người liên quan đã làm những gì trong tình hình đó.

2.2. Không gian giả định

Như đã trình bày ở trên, không gian giả định, theo các nhà ngôn ngữ học tri nhận, bao gồm một số yếu tố thành phần. Trong các yếu tố đó, các dạng điều kiện và hình thức so sánh là một yếu tố không thể thiếu. Nếu xét từ góc độ ngữ pháp, có lẽ không còn vấn đề gì mới để thảo luận liên quan đến câu điều kiện và câu so sánh. Tuy nhiên, từ góc độ tri nhận và không gian tâm lí, đây là một hiện tượng nổi bật. Lúc này cần đến thao tác quy chiếu để có một cách hiểu tổng thể về một không gian hợp nhất được đưa ra trong bản tin. Thí dụ, trong đoạn trích: *Trong khi miền Nam đã bước vào mùa mưa và miền Bắc khí hậu cũng đã mát mẻ hơn thì miền Trung vẫn đang chịu đựng những đợt nắng nóng gay gắt có ba sự kiện, tương ứng với ba không gian tâm lí gốc, đó là mùa mưa ở miền Nam, thời tiết mát mẻ ở miền Bắc và cái nóng ở miền Trung. Không gian đích được đề cập đến ở đây là đợt nóng của miền Trung và hai không gian còn lại cũng được nhắc đến có chủ đích. Chúng đều có chung một khung nghĩa (frame) đó là sự mô tả khí hậu, thời tiết hiện tại ở một khu vực nào đó. Nhờ có sự so sánh với hai không gian nền này, một không gian chung được tạo ra,*

đó là cái nắng gay gắt, là nhiệt độ cao được nhấn mạnh ở mức độ nghiêm trọng ở miền Trung.

Không gian hợp nhất được tìm thấy rất phổ biến ở bản tin tiếng Việt. Không gian nền, không gian đích, không gian hợp nhất và việc quy chiếu có thể dễ dàng được nhận ra nhờ có các yếu tố xây dựng không gian như đã được liệt kê trong thí dụ dưới đây:

So với trận lũ năm 2007 tuy tổng lượng mưa của trận lũ này không lớn bằng trận lũ năm 2007, nhưng do là trận lũ trước chưa rút hẳn, lũ còn đang ở mức cao, cao hơn so với chân lũ năm 2007 từ 2,3 đến 3,7m nên đã làm cho lũ lên nhanh, đỉnh lũ vượt đỉnh lũ lịch sử năm 2007.

Ở các bản tin tiếng Anh, so sánh bậc cao nhất được sử dụng nhiều nhất, sau đó là so sánh hơn. Không thấy có hiện tượng so sánh bằng nào. Ngoài các cấu trúc so sánh còn có các cấu trúc khác được sử dụng như *compared with* và *to compare with* nhưng với số lượng ít. Có thể nói, riêng đối với yếu tố so sánh và điều kiện, hai khối liệu bản tin tiếng Anh và tiếng Việt có nhiều sự tương đồng. Có thể tìm thấy nhiều thí dụ minh họa trong bản tin tiếng Anh như:

- Oxfam said that so far the provision of funds had been slow compared with the response to other recent humanitarian crises. (Tổ chức Oxfam cho biết việc cung cấp tiền hỗ trợ chậm chạp hơn so với việc phản hồi về các cuộc khủng hoảng nhân đạo khác gần đây).

- It could be worse if we go to Spain where the lack of it is sparking

a real conflict. (Tình hình sẽ trở nên tồi tệ hơn nếu chúng ta đến Tây Ban Nha, ở đó việc thiếu nước đang làm nảy sinh một cuộc xung đột thực sự).

- To compare with the recent earthquake near Concepcion, Chile, it's not of that stair isn't it, which is about 8,8. (So với lần động đất gần đây ở Concepcion - Chi-lê, lần này không đến mức đó, khoảng 8,8 độ rich-te).

Tuy nhiên khi xét đến yếu tố đánh giá, nhận xét và ước tính trong bản tin, tác giả tìm thấy sự khác biệt giữa hai khối liệu mặc dù nhóm từ vựng mô tả và đánh giá được tìm thấy gần như giống nhau. Sự khác biệt đó thể hiện ở những lối diễn đạt mang tính chất nhấn mạnh vô cùng phong phú của tiếng Việt mà khó có thể dùng phần mềm để liệt kê hết. Thí dụ như:

- Hơn một tuần sau lũ, nắng đã lên, nước đã rút hẳn, những ngôi làng có tiếng trù phú ven sông Ngân Sơn thuộc xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên đã lộ hết những gì tiêu điều, xơ xác. Cả xã có đến hơn 200 nhà bị sập, đó là con số quá lớn đối với một vùng quê, nơi mà nhà cửa gần như là toàn bộ tài sản mà người dân ở đây có được. Nhà anh Ngô Văn Tiến bây giờ chỉ còn mỗi gạch vụn, bà con cho anh tám bạt để anh dựng tạm túp lều, cốt sao để có chỗ thờ cúng đưa con trai xấu số đã bị lũ cuốn.

- Sau lũ, thời tiết càng khắc nghiệt hơn như còn muốn thử thách thêm những con người vốn đã kiệt sức sau những ngày chống chọi bão lũ.

Hay:

- Chỉ với một cơn mưa lớn kéo dài 2 tiếng đồng hồ mà đã có hàng trăm tuyến phố bị úng ngập.

- Dù trắng tay sau lũ, nhưng người dân vùng lũ với sự giúp sức của cả cộng đồng vẫn đang gắng gượng để nhanh có được mái nhà để ở.

- Chỉ một nguyên nhân nhỏ cũng dễ dàng thiêu rụi công sức của người dân.

Việc sử dụng các lối diễn đạt nhấn mạnh, ẩn dụ, hoán dụ như trên làm khán giả truyền hình cảm nhận được sâu sắc hơn sự tàn phá của thiên tai, những mất mát và chịu đựng của con người cả về vật chất lẫn tinh thần, để lại ấn tượng mạnh và cảm xúc mạnh cho người xem. Để có được những cảm nhận đó, không gian nền, không gian đích và quy chiếu đều được vận dụng. Đặc điểm này của không gian giả định làm cho bản tin tiếng Việt phong phú hơn. Đặc điểm này không thấy xuất hiện nhiều như một hiện tượng phổ biến ở các bản tin tiếng Anh. Ngược lại, sự mô tả sự vật, hiện tượng trong các thiên tai ở bản tin tiếng Anh mang tính thực tế, khách quan hơn, mô tả thực hơn về các cấp độ tàn phá, thiệt hại hay hậu quả về sau của các sự kiện xảy ra, thí dụ như:

- In Surrey, 400 schools have closed, 351 ones in Berkshire, in Bucks 196, Herts 164, in Essex 370 and in Kent 276. (Ở Surrey, 400 trường học đã đóng cửa, ở Berkshire là 351 trường, ở Bucks 196 trường, ở Herts 164 trường, Essex 370 trường và ở Kent 276 trường).

- UK air space has been closed in the past hours and will stay closed until at least 17:00 hours GMT. Denmark also announced 8 air spaces closed

until the same time. Flights have been halted at airports in Scotland, Northern Ireland, Norway and northern Sweden. (Hãng hàng không Anh đã đóng cửa trong suốt nhiều giờ qua và sẽ vẫn đóng cửa cho đến ít nhất 17h giờ quốc tế. Đơn Mạch cũng thông báo có 8 sân bay đóng cửa cho đến cùng giờ đó. Các chuyến bay đều hoãn lại ở các sân bay Scot-len, Bắc Ai-len, Na-Uy và Bắc Thụy Điển).

Một yếu tố nữa được phát hiện trong không gian giả định ở cả hai loại bản tin là lời khuyên. Sau khi đưa các thông tin về thiên tai vừa xảy ra, trong cả bản tin tiếng Anh và bản tin tiếng Việt đều có các lời khuyên đưa ra cho những người liên quan. Tần số xuất hiện của lời khuyên được tìm thấy trong hai khối liệu như sau:

Tiếng Việt	Cụm từ	Tần số
	<i>Nên phải</i>	3
	<i>Cần phải</i>	6
	<i>Cần thiết</i>	5
	<i>Phải</i>	145
	Tổng	159
Tiếng Anh	<i>Should</i>	42
	<i>Advise (-s, -d)</i>	4
	<i>Need to</i>	16
	Total	62

Bảng 3: Thống kê lời khuyên trong bản tin tiếng Anh và tiếng Việt

Lời khuyên chủ yếu tập trung vào những hành động cấp thiết cần làm để nhằm giảm hoặc tránh thiệt hại do thiên tai gây ra. Tuy nhiên, lời khuyên xuất hiện nhiều ở bản tin tiếng Việt hơn, với tần số gấp hơn hai lần bản tin tiếng Anh.

Hiện tượng cuối cùng được đề cập đến trong các bản tin là sự phỏng đoán. Phỏng đoán đều xuất hiện ở cả hai khối liệu. Ở bản tin tiếng Việt, tần số xuất hiện là 193, đa phần phỏng đoán về những gì có thể xảy ra tiếp theo, thí dụ như:

- *Các chuyên gia dự báo mức thiệt hại do nắng hạn đối với sản xuất nông nghiệp tại khu vực này có nguy cơ lên đến 2.500 tỉ đồng.*

- *Đây là đợt nắng nóng nặng nề nhất tại Italia kể từ đầu năm nay và nhiệt độ được dự đoán chỉ bắt đầu hạ kể từ tối chủ nhật này*

- *Ở Việt Nam từ trước đến nay dù chưa hề xuất hiện dấu hiệu của sóng thần song một số trận động đất xảy ra từ đầu năm đến nay không loại trừ nguy cơ sóng thần có thể xảy ra.*

- Nếu *càng mưa nữa thì việc sản xuất vụ đông và sản xuất nông nghiệp của bà con nông dân sẽ không có phương án nào để cứu thoát, nếu dừng lại và thoát nước nhanh thì có thể cứu được một số, nếu tiếp tục thì diện tích thiệt hại các loại hoàn toàn không có khả năng cứu được.*

Ở các bản tin tiếng Anh, tần số xuất hiện của các dự đoán ít hơn nhiều so với bản tin tiếng Việt, với tổng số lần xuất hiện là 43. Tuy vậy, nội dung phỏng đoán cũng phong phú hơn bản tin tiếng Việt, gồm các nội dung như phỏng đoán nguyên nhân của vấn đề, khả năng có thể xảy ra, hay khả năng đã xảy ra, thí dụ như Bảng 4 dưới đây:

in eastern Turkey, geologists say 4000 people could have been exposed to severe shaking. Welcome to B school in Harrods but the third day at home could have come the worst time for her mom who's an acc they couldn't keep it back. Many passengers could have drowned. Children are using to the street as m could be fixed. The authorities believe it could have been caused by a fault at the giant Itaipu h aters in the north and centre of the country may worsen as they continue to head south. Contin remate victims because of fears that disease may spread rapidly. "The vultures can't eat them ight bans into Monday. Experts say the cloud may not shift until later in the week. Disruption nes will run into financial difficulties and may need bailing out by governments - or so I am on understands that British Airways fears it may not be allowed to fly normal services until T

3. Kết luận

Có thể nói, không gian tâm lí là một trong những nội dung nghiên cứu mới mẻ trong ngành ngôn ngữ học tri nhận. Khi áp dụng phân tích thí điểm không gian tâm lí trong bản tin tiếng Anh và tiếng Việt, chúng tôi nhận thấy hai khối liệu có những đặc trưng riêng. Về không gian thời gian, thời hiện tại chiếm số đông ở bản tin tiếng Anh, trong khi ở bản tin tiếng Việt là ý nghĩa quá khứ. Việc sử dụng một số trạng từ thời gian cũng khác nhau. Điều này làm cho thông tin trong bản tin tiếng Anh mang tính chất mới mẻ, cập nhật hơn, người xem có cảm giác như sự kiện vừa mới xảy ra, thậm chí đang xảy ra tại thời điểm xem tin. Về không gian giả định, trong bản tin tiếng Việt

xuất hiện nhiều nhận xét, đánh giá mang tính chủ quan, nhấn mạnh cấp độ của vấn đề. Người viết tin cũng đưa ra nhiều lời khuyên và phỏng đoán hơn ở bản tin tiếng Anh. Trong khi đó, các sự kiện ở bản tin tiếng Anh được mô tả thực với nhiều dữ kiện hơn. Như vậy, tổng hợp kết quả nghiên cứu từ không gian thời gian và không gian giả định, đặc trưng tư duy thể hiện trong ngôn ngữ của người Anh và người Việt có nhiều điểm không tương đồng. Người Việt có xu hướng nhìn nhận sự kiện theo con mắt chủ quan, gắn với kinh nghiệm cá nhân. Họ quan tâm đến những gì đã diễn ra nhiều hơn và sắp tới cần có những hành động gì để giải quyết hậu quả hay kết quả của sự kiện đó, kèm theo đó là những phỏng

đoán và lời khuyên. Ngược lại, từ góc độ tri nhận, người Anh khi đang ở vai trò truyền tin tới người khác, họ hướng tới việc diễn đạt, truyền tải thông tin sao cho cập nhật nhất, đúng với những gì đang diễn ra tại thời điểm đưa tin và đảm bảo tính khách quan của vấn đề. Lời khuyên và phỏng đoán cũng được đưa ra nhưng không nhiều, không phải là chức năng chính của vai trò họ đang đảm nhiệm.

Trên đây chỉ là những kết quả nghiên cứu ban đầu, hi vọng sẽ có giá trị đóng góp phần nào đối với các nghiên cứu liên quan và với những ai quan tâm đến vấn đề này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Fauconnier G., & Turner M., Conceptual Blending - Form and Meaning, *Recherches en communication*, N° 19, 2003.
2. Fauconnier G., Cognitive Linguistics, Lynn Nadel, editor-in-chief, *Encyclopedia of Cognitive Science*, Macmillan, London, 2003.
3. Lyons J., *Linguistic Semantics - An Introduction*, Cambridge University Press, 1995.
4. Stockwell P., *Cognitive Poetics - An Introduction*, Routledge, 2002.

SUMMARY

The focus of this paper is cognitive linguistics, particularly the theory of psychological spaces. Following a discussion of the theories of psychological spaces, is the analysis of two news in English and Vietnamese to find out the features of psychological space in the two languages. The conclusion presented summaries of the outstanding differences between two languages within the selected domain.